

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM
HỮU NGHỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 125/HĐQT-TPHN

Hà Nội, ngày 14 tháng 4 năm 2020

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

**Tên Công ty đại chúng: Công ty Cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị
Năm báo cáo 2019**


Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước;
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ Phần Thực phẩm Hữu Nghị
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0102109239 do sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội thay đổi lần thứ 12 ngày 17/12/2016.
- Vốn điều lệ: **200.000.000.000** đồng (tính tại thời điểm 31/12/2019)
- Vốn chủ sở hữu: 356.840.970.707 đồng (tại thời điểm 31/12/2019)
- Địa chỉ: 122 Định Công - Phường Định Công - Quận Hoàng Mai – Thành Phố Hà Nội.
- Số điện thoại: 024.38643362.
- Số fax: 024.36658549
- Website: www.huunghi.com.vn
- Mã cổ phiếu: HNF

2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị  tiền thân là Nhà máy Bánh kẹo cao cấp Hữu Nghị được thành lập năm 1997. Sau gần 10 năm hoạt động, ngày 01 tháng 12 năm 2006, Nhà máy Bánh kẹo cao cấp Hữu Nghị chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần bánh kẹo cao cấp Hữu Nghị. Để phù hợp với quy mô sản xuất kinh doanh trong chiến lược phát triển của đơn vị, ngày 18/6/2009 Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị. Công ty có trụ sở chính tại 122 Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất bánh mứt kẹo và bánh trung thu mang thương hiệu Hữu Nghị.
- Địa bàn kinh doanh: Thị trường bán hàng trên toàn quốc và xuất khẩu sang một số nước châu Á như Trung Quốc, Thái Lan, Campuchia, Hàn Quốc...

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

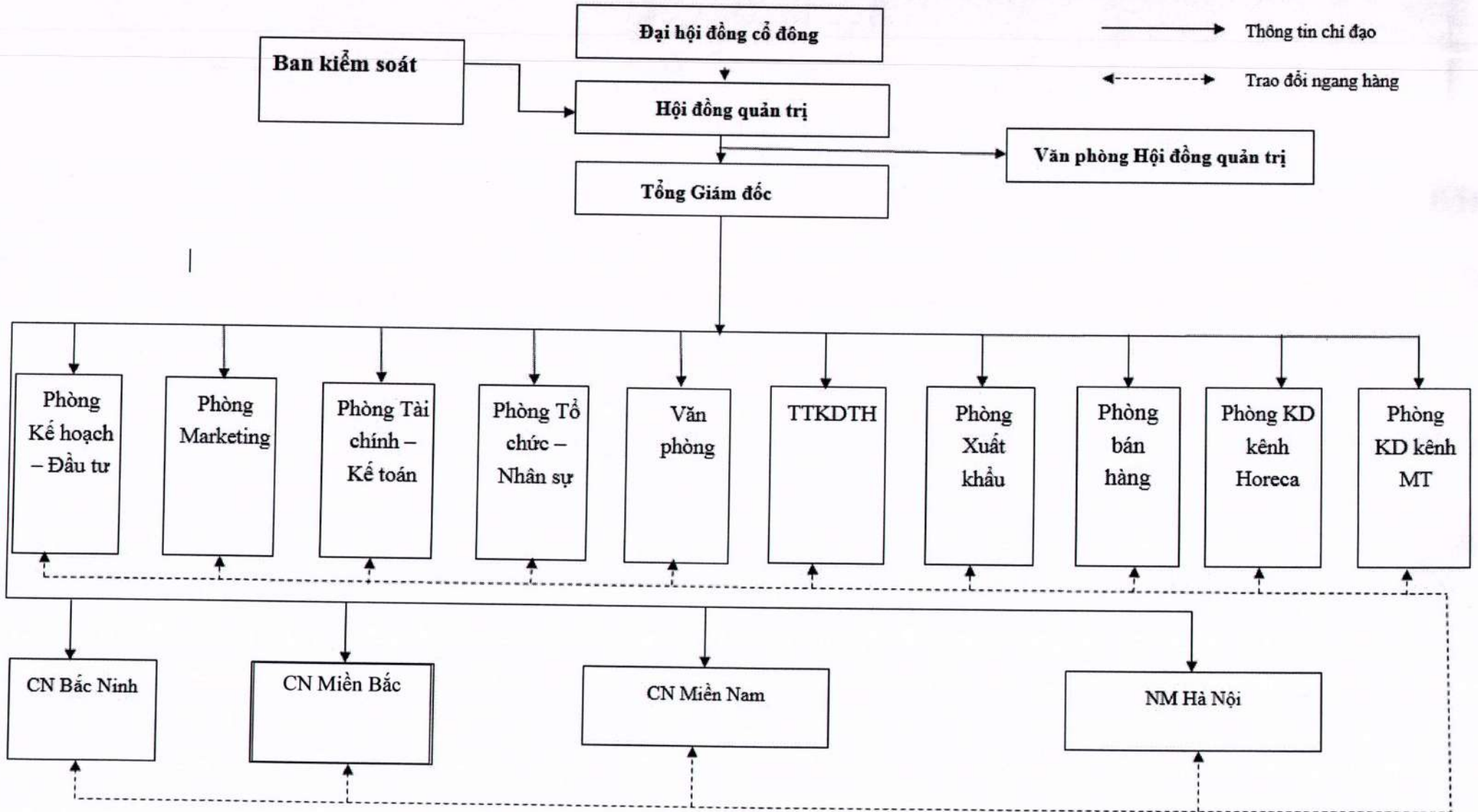
- Mô hình quản trị: Có ban kiểm soát; Chủ tịch HĐQT Công ty là người đại diện theo pháp luật.

- Cơ cấu bộ máy quản lý:

HuuNghỉFood hiện được tổ chức và quản trị - điều hành trên cơ sở Luật Doanh nghiệp hiện hành, Luật Chứng khoán hiện hành và Điều lệ Công ty, cũng như các quy định pháp luật liên quan khác của nước CHXHCN Việt Nam.



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HỮU NGHỊ



- Các công ty con, công ty liên kết: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết:

Trụ sở chính của HuuNghỉFood:

Địa chỉ: 122 Định Công, Phường Định Công,
Quận Hoàng Mai, Hà Nội

Điện thoại: 024. 3864 3362 – 024 3864 2579

Fax: 024.3665 8549

Website: www.huunghi.com.vn

Ngoài ra HuuNghỉFood còn có các Nhà máy, Chi nhánh tại:

➤ **Nhà máy tại Hà Nội**

Địa chỉ: 122 Định Công - Hoàng Mai - Hà Nội

Điện thoại: (024. 3864 2579

Fax: 024. 3864 2579

➤ **Chi nhánh Miền Nam**

Địa chỉ: Khu công nghiệp Sóng thần 3, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: (84-650) 3907877

Fax: (84-650) 3817255

➤ **Chi nhánh Bắc Ninh**

Địa chỉ: Lô E13- E14- Cụm CN Đa nghề Đông Thọ- Yên Phong- BắcNinh.

➤ **Chi nhánh Miền Bắc**

Địa chỉ: Lô 15-2 KCN Yên Phong mở rộng- xã Yên Trung- Yên Phong- BắcNinh.

Lô 15-2 Khu công nghiệp Yên Phong mở rộng, xã Yên Trung, Huyện Yên Phong, Tỉnh Bắc Ninh. Điện thoại: 0976.188.834

5. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:
 - + Phát triển Công ty một cách bền vững;
 - + Xây dựng thương hiệu các sản phẩm: bánh, mứt, kẹo, bánh trung thu Hữu Nghị là một trong những thương hiệu hàng đầu ở Việt Nam;
 - + Kien toàn lại bộ máy quản lý, sản xuất, bán hàng và thị trường bán hàng sao cho phù hợp với sự phát triển của Công ty nói riêng và phát triển của đất nước, thế giới nói chung.
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:
 - + Đáp ứng yêu cầu thị trường về chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm;
 - + Cải tiến máy móc thiết bị, phát huy sáng kiến kỹ thuật;
 - + Tập trung phân khúc thị trường trung và cao cấp;
 - + Tiếp tục đầu tư phát triển cho thị trường xuất khẩu;
 - + Tăng vốn chủ sở hữu để Công ty có thể tự chủ về nguồn vốn sản xuất kinh doanh, đầu tư ổn định và mở rộng sản xuất kinh doanh...
- Các mục tiêu phát triển bền vững đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:
 - + Đối với môi trường:
 - Không ngừng đầu tư nâng cấp cho hệ thống xử lý nước thải theo đúng tiêu chuẩn;

- Ưu tiên tìm kiếm và sử dụng những nguyên vật liệu, nhiên liệu sạch và thân thiện với môi trường;
- Nâng cao tinh thần trách nhiệm CBCNV trong công ty luôn giữ cho môi trường, cảnh quan nhà xưởng, nơi làm việc trong công ty được sạch sẽ.
- + Đối với xã hội và cộng đồng công ty:
 - Tích cực tham gia hưởng ứng các ngày mang tính cộng đồng lớn như: ngày môi trường thế giới, ngày chống HIV AIDS...
 - Ủng hộ quỹ đền ơn đáp nghĩa trên địa bàn, nơi công ty và các chi nhánh đang đặt trụ sở;
 - Cứu trợ, ủng hộ bằng tiền và hiện vật bánh kẹo cho các nơi xảy ra thiên tai lũ lụt gây hậu quả nghiêm trọng;
 - Xây dựng và thực hiện văn hóa doanh nghiệp.

6. Các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của của Công ty

a. Rủi ro về kinh tế

Sự tăng trưởng ổn định của GDP và thu nhập bình quân đầu người có ảnh hưởng đến việc tiêu thụ các sản phẩm bánh kẹo. Khi nền kinh tế tăng trưởng mạnh, thu nhập của người dân cao, đời sống vật chất được đảm bảo thì các nhu cầu nâng cao dinh dưỡng, nhu cầu biểu tặng các loại thực phẩm cao cấp, trong đó bánh kẹo cũng tăng. Nếu nền kinh tế lâm vào tình trạng khủng hoảng, thu nhập người dân sụt giảm, không đảm bảo những nhu cầu sinh hoạt tối thiểu hàng ngày thì ngành sản xuất bánh kẹo chắc chắn bị tác động.

Để quản lý các rủi ro do tác động của môi trường kinh tế vĩ mô, Công ty đã tiến hành dự báo tình hình phát triển kinh tế để lập kế hoạch kinh doanh phù hợp với các kịch bản tăng trưởng trong tương lai. Bên cạnh đó, Công ty còn triệt để thực hiện tiết kiệm chi phí nhằm tối ưu hóa lợi nhuận.

b. Rủi ro về dịch bệnh bất khả kháng:

Ngày 11 tháng 3 năm 2020 tổ chức Y tế thế giới WHO đã công bố đại dịch Covid 19 do chủng loại vi rút mới gây ra, đại dịch xảy ra làm ảnh hưởng trầm trọng nền kinh tế thế giới. Một số nước đã phát lệnh phong tỏa toàn bộ đất nước, hoặc nhiều thành phố lớn để phòng chống dịch như Italya, I ran, Mĩ, Trung quốc.

Châu Á là nơi bùng phát dịch (Vũ Hán Trung quốc) và các nước trong khu vực ảnh hưởng rất lớn và nặng nề của đại dịch. Các chuỗi cung ứng toàn cầu bị gián đoạn, 1/3 hàng hóa xuất nhập khẩu vào các nước bị đình trệ. Rất nhiều Doanh nghiệp phải đóng cửa, công nhân viên lao động không có thu nhập do thiếu việc làm.

Đối với Việt Nam theo thống kê của Cục Quản lý đăng ký kinh doanh - Bộ Kế hoạch và Đầu tư, chỉ trong 2 tháng đầu năm nay đã có tới 16.151 doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, tăng 19,5% so với cùng kỳ năm trước. Cùng với đó, 2.807 doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể. Hiện tại những con số đáng ngại này đang có dấu hiệu tăng lên trong thời gian tới do diễn biến phức tạp của dịch bệnh, đã có rất nhiều người lao động không có thu nhập và việc làm. Nặng nề nhất phải kể đến các ngành Giao thông vận tải, văn hóa du lịch, khách sạn nhà hàng, giáo dục đào tạo và nhất là đối với các đơn vị xuất nhập khẩu như Hữu Nghị và sản xuất kinh doanh hàng tiêu dùng.

c. Một số rủi ro đặc thù: Rủi ro hàng giả, hàng kém phẩm chất

Giống như một số thị trường đang phát triển khác trên thế giới, thị trường Việt Nam vẫn bị ảnh hưởng nặng nề bởi nạn hàng giả, hàng kém phẩm chất. Hàng giả trong đó có bánh kẹo

giả với nguồn gốc xuất phát từ Việt Nam và Trung Quốc được bán lẫn với hàng thật và đôi khi thông qua cả hệ thống đại lý phân phối chính thức tới tay người tiêu dùng, gây ảnh hưởng không nhỏ tới những nhãn hiệu nổi tiếng. Thêm vào đó, bánh kẹo sản xuất từ những cơ sở sản xuất nhỏ không nhãn hiệu, nguồn gốc, thời hạn sử dụng, không qua cơ quan kiểm duyệt thực phẩm, tuy không ảnh hưởng trực tiếp tới những nhãn hiệu nổi tiếng nhưng lại tác động xấu đến sức khỏe người tiêu dùng. Trên thực tế, kiến thức tiêu dùng của xã hội ngày càng được nâng cao do người tiêu dùng - nhất là người tiêu dùng thành thị hiện nay được tiếp cận với rất nhiều nguồn thông tin từ báo chí, internet... Vì vậy hàng giả chỉ có thể xuất hiện ở một số vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa. HuuNghỉFood đã tích cực triển khai các chương trình chống hàng giả thông qua việc nâng cấp bao bì sản phẩm, tổ chức việc tiếp nhận thông tin từ nhiều nguồn khác nhau về hàng giả, phối hợp với các cơ quan chức năng phát hiện hàng giả trên thị trường.

6.3 Rủi ro về biến động giá nguyên vật liệu

Do nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm nên biến động giá cả nguyên vật liệu sẽ tác động đến lợi nhuận của HuuNghỉFood. Rủi ro tăng giá nguyên vật liệu bao gồm: Thiên tai, dịch bệnh; Ảnh hưởng của lạm phát... Hoạt động kinh doanh của HuuNghỉFood chịu ảnh hưởng lớn của những rủi ro về giá nguyên vật liệu. Tuy nhiên, nếu tình trạng tăng giá nguyên vật liệu diễn ra trong thời gian dài thì thị trường sẽ đồng loạt điều chỉnh giá bán ra sản phẩm, khi đó HuuNghỉFood có thể tăng giá bán ra, doanh thu tăng và triệt tiêu được ảnh hưởng của rủi ro tăng giá nguyên vật liệu đến lợi nhuận của HuuNghỉFood.

6.4 Rủi ro lãi suất:

Do đặc thù của ngành sản xuất và kinh doanh bánh kẹo đòi hỏi phải có lượng vốn lưu động lớn, tốc độ quay vòng vốn cao do các sản phẩm thường mang tính thời vụ, nên tỷ lệ vốn vay không được quá cao so với vốn chủ sở hữu. HuuNghỉFood luôn duy trì tỷ lệ vốn vay trên vốn chủ sở hữu ở mức an toàn. Rủi ro lãi suất có thể xảy ra khi lãi suất biến động bất thường. Lãi suất tăng cao sẽ làm gia tăng chi phí tài chính và gây ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh trong kỳ của HuuNghỉFood.

II. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1. **Kết quả thực hiện trong năm:** (Nêu các kết quả đạt được trong năm. Nêu những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp...vvv; Tình hình thực hiện so với kế hoạch; So sánh kết quả đạt được trong năm so với các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu năm liền kề. Phân tích cụ thể nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/ đạt/vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch và so với năm liền kề.)

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2019	% so sánh TH năm 2019 với 2018	
						Thực hiện 2019/Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019/Thực hiện 2018
1	Doanh thu	Tỷ. đồng	1,792.60	1803	1852	103%	103%
2	Sản lượng	Tấn	23.1	21.6	22.1	102%	95,7%
3	Nộp ngân sách	Tỷ .đồng	53.1	42	42.6	101%	80%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	51.9	50	52	104%	100%

5	Số lao động bình quân trong năm	Người	1.636	1.713	1.523	88,9 %	93,09%
6	Thu nhập bình quân 1 người	Tr.đ/tháng	9,9	13,9	11,6	83,5 %	117%

Phân tích kết quả thực hiện:

- Về kết quả kinh doanh: Năm 2019, doanh thu toàn công ty đạt 1.8520 tỷ đồng, đạt 103% so với kế hoạch năm 2019, đạt 103% so với thực hiện năm 2018, lợi nhuận trước thuế đạt 104% so với kế hoạch, đạt 100% so với năm 2018. Nộp ngân sách nhà nước tăng 101%, đạt 42,6 tỷ đồng trong năm 2019. Đặc biệt, năm 2019 Công ty đã chính thức đưa nhà máy mới tại Khu công nghiệp Yên Phong mở rộng đi vào hoạt động.

- Trong sản xuất đã sắp xếp bố trí lại lao động, áp dụng khoa học công nghệ, đầu tư máy móc thiết bị tạo hiệu quả và năng suất lao động tăng cao. Chất lượng sản phẩm ổn định, giá sản phẩm luôn cạnh tranh giúp công ty giữ vững được khách hàng và thị phần ngày càng được mở rộng.

- Thị trường ổn định và tăng trưởng tốt sau khi áp dụng hệ thống quản lý bán hàng DMS vào vận hành. Công tác thị trường được đẩy mạnh tạo sự gắn kết giữa công ty với khách hàng.

- Tái cấu trúc lại các phòng ban, đơn vị Công ty, cải tiến tiền lương, xây dựng lại quy chế thi đua khen thưởng, động viên kịp thời người lao động.

- Vốn của cổ đông luôn được bảo toàn và phát triển, sử dụng vốn đúng mục đích. Thường xuyên nghiên cứu và triển khai các biện pháp huy động vốn phù hợp với nhu cầu vốn cho mục tiêu phát triển của từng giai đoạn nhằm cơ cấu nguồn vốn và sử dụng hiệu quả vốn.

2. **Tổ chức và nhân sự** (Danh sách Ban điều hành, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác; Những thay đổi trong ban điều hành trong năm; Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động).

2.1 Danh sách cán bộ quản lý chủ chốt

- Hội đồng quản trị

- Chủ tịch : Ông Trịnh Trung Hiếu
- Phó Chủ tịch: Bà Lê Thị Lan Anh
- Thành viên: Ông Nguyễn Thái Dương
- Thành viên: Ông Lê Việt Anh
- Thành viên: Ông Bùi Tuấn Anh

- Ban kiểm soát

- Trưởng ban: Ông Đỗ Công Quang
- Thành viên: Ông Trịnh Trung Dũng
- Thành viên: Ông Nguyễn Hồ Ngọc

- Ban điều hành và Kế toán trưởng

- Tổng giám đốc: Vũ Đức Lợi
- Phó Tổng giám đốc: Ông Tạ Nguyên Hải, Ông Vũ Ba Lê.
- Kế toán trưởng: Bùi Thị Minh Hằng

- Sơ yếu lý lịch cán bộ quản lý chủ chốt

- Họ và tên: Trịnh Trung Hiếu
- Ngày sinh : 28/02/1974
- Số CMTND/hộ chiếu: 012214652 do Công an Thành phố Hà Nội cấp ngày 31/07/2008

- Địa chỉ thường trú: Số 3 ngõ 126 Hoàng Hoa Thám, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội.
- Nơi công tác và chức vụ hiện tại: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thực phẩm Hữu Nghị
- Họ và tên: Lê Thị Lan Anh.
- Ngày sinh: 19/01/1978.
- Số CMTND/hộ chiếu: 036178001641 do Cục cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 31/05/2016.
- Địa chỉ thường trú: Số 9, Ngõ 27, Phường Thổ Quan, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.
- Nơi công tác và chức vụ hiện tại: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thực phẩm Hữu Nghị.
- Họ và tên: Vũ Đức Lợi.
- Ngày sinh: 17/04/1976.
- Số CMTND/hộ chiếu: 025076000310 cấp ngày 22/02/2017 tại Cục cảnh sát ĐKQL cư trú & DLQG về dân cư.
- Địa chỉ thường trú: Số 22 ngách 80/3, Phố Nhân Hoà, phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.
- Nơi công tác và chức vụ hiện tại: Tổng giám đốc Công ty cổ phần thực phẩm Hữu Nghị.

2.2 Cơ cấu lao động của Công ty:

Cơ cấu lao động đến hết 31/12/2019:

Chỉ tiêu	Nam	Nữ	Tổng cộng
Phân theo trình độ học vấn			1411
1. Trên đại học	6	4	10
2. Đại học	112	99	211
3. Cao đẳng/Trung cấp	103	47	150
4. Sơ cấp/lao động phổ thông	485	555	1.040
Phân theo phân công lao động			
1. HĐQT/Ban Giám đốc	6	1	7
2. Lao động quản lý (từ cấp phòng/bộ phận trở lên)	32	18	50
3. Lao động chuyên môn	115	88	205
4. Lao động trực tiếp	547	584	1131
5. Lao động thừa hành phục vụ	4	14	18

2.3 Chính sách phát triển nguồn nhân lực

Công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của HUU NGHỊ FOOD nhằm hướng tới mục tiêu trang bị cho nhân viên những kiến thức, kỹ năng tiên tiến và thái độ phù hợp để phục vụ khách hàng có hiệu quả, thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, đồng thời phát triển tiềm năng của mỗi nhân viên và mang lại hiệu quả tối đa cho HUU NGHỊ FOOD, hỗ trợ công tác đào tạo và phát triển ở tất cả vị trí và coi đây là sự đầu tư cần thiết bằng cách phân bổ ngân sách hợp lý.

Có thể tóm lược các biện pháp cơ bản để phát triển nguồn nhân lực của HUU NGHỊ FOOD như sau:

- Tất cả nhân viên được tạo điều kiện nghiên cứu, học tập thông qua các chương trình đào tạo nội bộ, đào tạo bên ngoài phù hợp với yêu cầu vị trí công việc của mỗi người trong lĩnh vực chuyên môn và quản lý;
- Công tác đào tạo và phát triển năng lực nhân viên được tổ chức và tiến hành một cách có hệ thống, liên tục ở tất cả các cấp, các bộ phận và nhóm sản xuất-kinh doanh;
- Mỗi nhân viên được tạo điều kiện để phát triển năng lực bản thân dựa trên kế hoạch phát triển nghề nghiệp cá nhân theo định hướng phát triển của HUU NGHỊ FOOD;
- Nhân viên mới sẽ được đào tạo một cách đầy đủ để hội nhập vào môi trường làm việc của HUU NGHỊ FOOD;
- Tạo điều kiện cho nhân viên được thay đổi vị trí công việc nhằm phát triển toàn diện kỹ năng của mỗi người;
- Tuyển chọn những sinh viên, học sinh có năng lực ngay từ sau khi đã hoàn tất chương trình cơ bản bằng các hợp đồng tài trợ học bổng - tuyển dụng để chủ động chuẩn bị nguồn nhân lực cho nhu cầu phát triển lâu dài;
- Áp dụng chính sách trả lương, thưởng theo thỏa thuận đối với từng nhóm đối tượng tùy theo năng lực, trình độ, hiệu quả công tác chuyên môn cao và nhu cầu đầu tư phát triển của doanh nghiệp để khuyến khích người lao động gắn bó với nghề.

2.4 Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

HUU NGHỊ FOOD thành lập theo Luật doanh nghiệp và mọi chế độ chính sách của người lao động trong HUU NGHỊ FOOD được áp dụng theo quy định hiện hành của Bộ luật lao động và theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông như: Trích nộp đầy đủ và đúng hạn Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, nâng lương đúng hạn...

HUU NGHỊ FOOD luôn quan tâm tạo điều kiện bồi dưỡng, nâng cao kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ, tay nghề cho cán bộ nhân viên.

HUU NGHỊ FOOD có Chính sách khen thưởng xứng đáng đối với những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong lao động, có sáng kiến cải tiến kỹ thuật giúp nâng cao năng suất lao động và doanh thu, đồng thời áp dụng những biện pháp, quy định xử phạt nghiêm minh đối với cán bộ nhân viên vi phạm Nội quy, Kỷ luật lao động.

Lãnh đạo HUU NGHỊ FOOD phối hợp với BCH Công đoàn HUU NGHỊ FOOD có chính sách hỗ trợ kinh phí cho các đối tượng CBCNV có hoàn cảnh khó khăn, neo đơn, gặp thiên tai, tai nạn, rui ro...

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

a) Các khoản đầu tư lớn: Công ty đang triển khai xây dựng dự án tại Khu công nghiệp Yên Phong mở rộng. Cụ thể:

- Tên dự án: “**Đầu tư mới nhà máy thực phẩm Hữu Nghị - Chi nhánh Công ty cổ phần thực phẩm Hữu Nghị tại Miền Bắc**”.

- Chủ đầu tư: Công ty cổ phần thực phẩm Hữu Nghị. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102109239 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 01/12/2006, thay đổi lần thứ 12 ngày 17/6/2016.
- Địa điểm đầu tư: Tại Lô CN15-2 khu Công nghiệp Yên Phong (khu mở rộng), xã Yên Trung, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.
- Giá trị đầu tư: Dự kiến 996 tỷ VNĐ
- Nguồn vốn: Vốn huy động (phát hành trái phiếu không chuyển đổi, vốn vay) và vốn tự có.

b) Các công ty con, công ty liên kết: Không

4. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính.

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% Tăng Giảm
Tổng giá trị tài sản	1,071,217,572,553	1,430,000,639,619	133%
Doanh thu thuần	1,660,808,043,999	1,739,482,446,320	105%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	47,826,955,491	38,448,850,292	80%
Lợi nhuận khác	4,136,197,835	13,571,588,930	328%
Lợi nhuận trước thuế	51,963,153,326	52,020,439,222	100%
Lợi nhuận sau thuế	41,365,496,078	40,859,324,042	99%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	2,187	2,138	98%

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu :

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2018	31/12/2019
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản lưu động/Nợ ngắn hạn)	Lần	1.21	1.535
	Hệ số thanh toán nhanh (Tài sản lưu động – Hàng tồn kho/ Nợ ngắn hạn)	Lần	0.99	1.368
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0.55	0.750
	Hệ số Nợ/Vốn Chủ sở hữu	Lần	2.32	2.999
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Lần	12.03	13.64

	Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Lần	1.7	1.22
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	Lần	0.02	0.02
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	Lần	0.15	0.11
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	Lần	0.04	0.03
	+Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh / Doanh thu thuần	Lần	0.03	0.02

•Đánh giá về khả năng thanh toán:

- Khả năng thanh toán ngắn hạn: khả năng thanh toán ngắn hạn của Công ty năm 2019 đạt 1,21 lần; nằm trong giới hạn an toàn(>1 lần)=> Công ty đáp ứng được nhu cầu thanh toán nợ ngắn hạn và không có nợ quá hạn xảy ra.

•Đánh giá về khả năng cân đối vốn:

- Hệ số nợ trên Tổng Tài sản: Hệ số nợ trên tổng tài sản của công ty năm 2019 đạt 0,75lần => vẫn đảm bảo an toàn

- Hệ số nợ trên vốn: Công ty đang có hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu là 2,99 lần => không thuộc giám sát đặc biệt (không vượt quá 3 lần).

Đánh giá về khả năng sinh lời:

- Hệ số lợi nhuận/ Vốn đầu tư chủ sở hữu năm 2019 đạt 0,11 lần => tỷ suất lợi nhuận trên vốn vẫn ở mức ổn định và khả năng sinh lời cao.

- Hệ số lợi nhuận từ HĐKD/ Doanh thu thuần đạt: 0,02 lần.

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1 Cổ phần (Nếu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài):

Tổng số cổ phần đang lưu hành tính đến 31/12/2019: 20.000.000 cổ phần

Cơ cấu cổ đông (Nếu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác):

Ngày chốt danh sách sở hữu: 31/12/2019

STT	Tên cá nhân/tổ chức (người đại diện)	Phân loại cổ đông		Số CMND	Ngày cấp	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ CP nắm giữ (%)	Ghi chú
		Cổ đông nhà nước	Cổ đông lớn					
1	2	3	4	5	6	7	8	9

1	Công ty cổ phần DNA holding		X	2301054242	10/10/2018	10,200,000	51.0%	
2	Thái Lan Anh		X	012099245	16/01/2014	1,180,800	5.90%	
3	Trịnh Trung Sơn		X	001092009696	06/05/2016	2,566,535	12.83%	
4	Lê Mai Dịu		X	013529863	28/04/2012	2,328,000	11.64%	
5	Nguyễn Thái Dương		X	001092001203	02/06/2016	2,059,606	10.30%	

5.2 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu (Nếu các đợt tăng vốn cổ phần trong năm bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v): **Không (tính đến 31/12/2019)**

5.3 Giao dịch cổ phiếu quỹ (Nếu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch):

- Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại: 0 cổ phiếu
- Giao dịch cổ phiếu quỹ thực hiện trong năm từ 08/10/2019 đến 16/10/2019: Giá giao dịch bình quân: 56.381đ/cổ phần. Đối tượng giao dịch: Khớp lệnh và thoả thuận.

5.4 Các chứng khoán khác (nếu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nếu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán): **Không**

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1 Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Công ty thực hiện nghiêm túc việc quản trị nguồn nguyên liệu để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh và ổn định thị trường, giảm nguy cơ phụ thuộc.

6.2 Tiêu thụ năng lượng:

Công ty kết hợp sử dụng năng lượng điện, Gas, lò hơi cho hoạt động sản xuất và thực hiện quản trị tốt việc tiêu thụ năng lượng hợp lý.

6.3 Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

Nguồn nước của Công ty sử dụng chủ yếu là nguồn nước máy. Quá trình kiểm soát chất lượng nước đầu vào và nước thải cũng được kiểm soát chặt chẽ theo quy định của pháp luật.

6.4 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: **Không**.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: **Không**

6.5 Chính sách liên quan đến người lao động

Công ty không ngừng nâng cao năng suất lao động và chế độ đãi ngộ cho người lao động. Thu nhập trung bình của người lao động đạt trên chín triệu đồng và so với các doanh nghiệp cùng ngành thì mức thu nhập như vậy là tương đối thu hút và ổn định.

c) Công ty cũng thực hiện hính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động, tăng cường các hoạt động đào tạo người lao động, các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.

6.6 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài

chính nhằm phục vụ cộng đồng cũng được Công ty quan tâm và thực hiện nghiêm túc.

6.7 Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN (Mục 6 phần II Phụ lục này, công ty có thể lập riêng thành Báo cáo phát triển bền vững, trong đó các mục 6.1, 6.2 và 6.3 không bắt buộc đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm); Công ty thực hiện theo hướng dẫn của UBCKNN.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

1. **Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh** (Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây. Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có); Những tiến bộ công ty đã đạt được)

Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh :

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% Tăng Giảm
Tổng giá trị tài sản	1,071,217,572,553	1,430,000,639,619	133%
Doanh thu thuần	1,660,808,043,999	1,739,482,446,320	105%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	47,826,955,491	38,448,850,292	80%
Lợi nhuận khác	4,136,197,835	13,571,588,930	328%
Lợi nhuận trước thuế	51,963,153,326	52,020,439,222	100%
Lợi nhuận sau thuế	41,365,496,078	40,859,324,042	99%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	2,187	2,138	98%

• Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động SXKD trong năm báo cáo

Trong năm 2019 hoạt động SXKD của HUU NGHIFOOD có những thuận lợi và khó khăn chủ yếu như sau:

Thuận lợi

- Được sự quan tâm hỗ trợ chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị;
- Sự đoàn kết, quyết tâm và tinh thần trách nhiệm cao Ban lãnh đạo Công ty và toàn thể cán bộ công nhân viên;

- **Về thương hiệu:** Trong thời gian qua thương hiệu Hữu Nghị đã được người tiêu dùng trên khắp cả nước biết đến bởi sự đa dạng về sản phẩm, mẫu mã phong phú, giá cả phải chăng, phù hợp với mọi nhu cầu;

- **Nguồn nhân lực:** Đội ngũ lãnh đạo của HUU NGHIFOOD là những cán bộ có trình độ quản lý kinh tế, chuyên môn cao. Bên cạnh đó, đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, công nhân kỹ thuật là những người có trình độ chuyên môn, tay nghề cao, đáp ứng được yêu cầu công việc;

- **Lĩnh vực sản xuất kinh doanh:** Cùng với sự phát triển sôi động của nền kinh tế và nhu cầu ăn ngon, mặc đẹp của người dân ngày càng tăng cao, chính vì vậy tiềm năng trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh bánh kẹo là rất lớn và cơ hội phát triển cao;

- **Hệ thống máy móc, thiết bị công nghệ tiên tiến, hiện đại:** Với hệ thống máy móc và dây chuyền sản xuất hiện đại, được trang bị đồng bộ các sản phẩm sản xuất ra của HUU NGHIFOOD luôn đạt chất lượng cao, giá thành cạnh tranh với các sản phẩm hiện có trên thị trường.

Khó Khăn

- Công ty gặp khó khăn trong việc thiếu vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, chưa chủ động được nguồn vốn, nguồn vốn hoạt động chủ yếu là vốn vay;
- Chi phí lãi vay: Do lệ thuộc nhiều vào vốn vay của ngân hàng đã làm tăng chi phí, làm ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của Công ty;
- Do dịch bệnh Covid-19 làm ảnh hưởng đến toàn bộ nền kinh tế thế giới và Việt Nam, dẫn đến hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các quy định kiểm soát và cách li.
- Do sự khủng hoảng kinh tế trên toàn cầu trong những năm gần đây dẫn đến tình trạng lạm phát ở nhiều quốc gia, điều này đã gây ra sự tăng giá nguyên vật liệu đầu vào ảnh hưởng nhiều tới hoạt động kinh doanh của HUU NGHỊ FOOD;
- *Đối thủ cạnh tranh*: Hiện nay, Việt Nam có khoảng 20 doanh nghiệp sản xuất tương đối lớn, hàng trăm cơ sở sản xuất nhỏ và một số công ty nhập khẩu đang tham gia vào thị trường bánh kẹo. Các doanh nghiệp có tên tuổi như:
 - + Kinh Đô, Đầu tháng 11/2014, Mondelez International (Mỹ) - một trong những công ty hàng đầu thế giới về thức ăn nhẹ đã mua lại 80% cổ phần mảng bánh kẹo của Tập đoàn Kinh Đô;
 - + Bibica, Hải Hà, Trảng An, Hải Châu, BiscaFun, Hanobaco, Vinabico, Phạm Nguyên v.v... ước tính chiếm tới 60-65% thị phần.
 - + Một số công ty bánh kẹo đầu tư trực tiếp nước ngoài cũng tham gia vào thị trường Việt Nam như Kraft (Hoa Kỳ), Meiji (Nhật Bản), Orion, Lotte (Hàn Quốc) và một loạt chuỗi bán ăn nhanh như KFC, Lotteria, Tous Les Jours, Jolie Bee v.v...
- Từ ngày 1-1-2015 bánh kẹo nhập khẩu từ các khối trong Asian sẽ được hưởng thuế suất ưu đãi 0% theo hiệp định AIFTA, do vậy bánh kẹo nhập khẩu từ các nước trong khối Asean có nền kinh tế phát triển như Thái Lan, Singapor... sẽ tràn ngập thị trường Việt Nam. Vì vậy đó cũng sẽ là một áp lực và thách thức rất lớn đối với các doanh nghiệp sản xuất bánh kẹo trong nước nói chung và Hữu Nghị nói riêng.

2. **Tình hình tài chính** (Tình hình tài sản: Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản; phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản, nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh; Tình hình nợ phải trả: Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ; Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay):

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		904.736.039.643	608.972.823.547
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		21.786.999.656	20.479.771.672
1. Tiền	111	5	21.786.999.656	20.479.771.672
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	2.500.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	2.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		773.409.754.841	454.894.243.706
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	434.921.972.930	230.886.984.843
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	328.491.344.575	218.063.592.167
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	11.055.713.605	7.002.942.965
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(1.059.276.269)	(1.059.276.269)
IV. Hàng tồn kho	140		98.262.839.192	110.732.453.338
1. Hàng tồn kho	141	10	98.262.839.192	110.732.453.338
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		11.276.445.954	20.366.354.831
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	2.190.573.029	708.905.962
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		9.085.872.925	19.018.121.893
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	-	639.326.976
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		522.310.778.348	462.244.749.006
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		12.291.113.455	11.933.301.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	12.291.113.455	11.933.301.000
II. Tài sản cố định	220		157.471.080.773	156.825.775.390
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	140.545.493.494	141.735.819.640
- Nguyên giá	222		370.316.174.206	387.855.411.849
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(229.770.680.712)	(246.119.592.209)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	13	16.925.587.279	15.089.955.750
- Nguyên giá	225		22.172.104.780	17.525.189.780
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(5.246.517.501)	(2.435.234.030)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		123.847.279.406	67.242.173.035
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	123.847.279.406	67.242.173.035
IV. Tài sản dài hạn khác	260		228.701.304.714	226.243.499.581
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	228.701.304.714	226.243.499.581
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.427.046.817.991	1.071.217.572.553

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.070.205.847.284	819.015.529.065
I. Nợ ngắn hạn	310		589.398.080.420	501.507.291.378
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	183.082.154.932	138.034.377.535
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		10.888.528.572	1.705.652.095
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	7.658.593.443	2.321.519.699
4. Phải trả người lao động	314		10.326.583.937	14.619.930.653
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	9.806.874.600	22.034.218.886
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	3.304.644.429
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	5.402.728.336	4.462.706.947
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	357.598.514.879	312.415.072.616
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.634.101.721	2.609.168.518
II. Nợ dài hạn	330		480.807.766.864	317.508.237.687
1. Phải trả dài hạn khác	337	18	36.446.634.125	16.235.639.254
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	444.361.132.739	301.272.598.433
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		356.840.970.707	252.202.043.488
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	356.840.970.707	252.202.043.488
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		200.000.000.000	200.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		16.748.079.903	-
3. Cổ phiếu quỹ	415		-	(49.613.308.500)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		63.225.165.601	57.020.341.189
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		76.867.725.203	44.795.010.799
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		36.021.911.583	3.429.514.721
- LNST chưa phân phối năm này	421b		40.845.813.620	41.365.496.078
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.427.046.817.991	1.071.217.572.553

3. **Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.**

a. Về sản xuất:

- Đáp ứng yêu cầu thị trường về chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm;
- Tiến hành định mức và định mức lại một cách nghiêm ngặt. Tăng cường hệ thống an ninh sản xuất đảm bảo chất lượng sản phẩm (*lắp đặt hệ thống camera tại các nhà máy, hệ thống chấm công tự động...*)

- Cải tiến máy móc thiết bị, phát huy sáng kiến kỹ thuật, Tự động hóa nhiều khâu trong sản xuất, giảm thiểu lao động thủ công, tăng năng suất lao động.

b. Về thị trường:

- Thị trường nội địa:
+ Cầu tiêu dùng thấp, mức độ cạnh tranh trong ngành hàng bán bánh kẹo thực phẩm ngày càng gay gắt hơn;

+ Chi phí bán hàng tăng : khuyến mãi, vận chuyển, lương hệ thống bán hàng, giám sát;

+ Thay đổi phương thức vận chuyển Logistics giảm chi phí vận chuyển.

+ Tập trung phân khúc thị trường trung và cao cấp, thay đổi mẫu mã bao bì, thay đổi trọng lượng sản phẩm để định giá bán lẻ phù hợp;

+ Tập trung triển khai thị trường trung thu và niên vụ tết các năm tiếp theo;

+ Tăng cường giám sát chính sách bán hàng, chống bán hàng lấn tuyến, chống bán phá giá, giám sát nhà phân phối thực hiện nghiêm túc các chính sách bán hàng của Công ty;

+ Tăng cường các dịch vụ sau bán hàng;
+ Hoàn thiện, đánh giá năng lực nhà phân phối để khoán doanh số phù hợp và hỗ trợ nhà phân phối tiếp cận phương pháp bán hàng mới, chuyên nghiệp.

- Thị trường xuất khẩu:

+ Công ty đã xuất khẩu được hơn 10 quốc gia: Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật, Úc, Đài Loan, Thái Lan, Philipin, Indonexia, Lào, Campuchia... và một số thị trường châu phi, châu Âu khác ...

+ Phân chia thị trường và sản phẩm theo thị trường, nhằm giảm thiểu nạn hàng giả, hàng nhái và bán lẩn thị trường.

c. Lao động và thu nhập:

- Thu nhập của cán bộ công nhân viên không ngừng được cải thiện. Mặc dù kinh doanh còn gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của nền kinh tế, song Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc đã rất nỗ lực tăng thu nhập bình quân người lao động năm 2019 lên hơn 11 triệu đồng/người/tháng.

d. Công tác khác:

- Tăng cường công tác quản lý tài chính, kiểm tra kiểm soát về chi phí sản xuất, chi phí bán hàng;

- Củng cố các tổ chức đoàn thanh niên, công đoàn, xây dựng các phong trào lao động tốt, tiết kiệm chi phí, sáng kiến cải tiến kỹ thuật.

e. Những tiến bộ, thành tích công ty đã đạt được:

- Cờ thi đua của Bộ Công Thương năm 2016;
- Cờ thi đua của Bộ Công Thương năm 2015;
- Cờ thi đua của chính phủ do Thủ tướng chính phủ trao tặng năm 2014;
- Cờ thi đua của Bộ Công Thương năm 2013;
- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Công Thương năm 2012;
- Cờ thi đua của Bộ Công Thương năm 2011;
- Huân chương Lao động Hạng Nhì do Chủ tịch nước tặng thưởng năm 2011;
- Huân chương Lao động hạng ba do Chủ tịch nước tặng năm 2001, 2003;
- Cờ Thi đua xuất sắc do Bộ Thương Mại và Công đoàn Thương Mại và Du lịch Việt Nam trao tặng từ năm 1999-2007;
- Cờ Thi đua xuất sắc do Thủ tướng Chính phủ tặng từ năm 2001-2008;
- Danh hiệu hàng Việt Nam Chất Lượng Cao trong các năm 2000-2005;
- Danh hiệu Sao Vàng Đất Việt;
- Huy chương vàng hội chợ EXPO;
- Hàng Việt Nam chất lượng cao 2010;
- Cúp vàng giải thưởng 1000 năm Thăng Long;
- Thương hiệu vàng 2008-2009 của Hiệp hội chống hàng giả và thương hiệu VN;
- Danh hiệu Thương hiệu mạnh năm 2009 của Hiệp hội chống hàng giả và thương hiệu Việt Nam trao tặng.



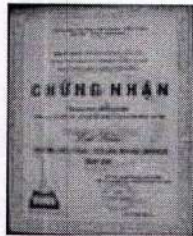
Giải thưởng thương hiệu mạnh 2009



Cúp vàng "Vì sự phát triển Cộng Đồng" năm 2010



Cúp sản phẩm tiêu biểu 1000 năm Thăng Long



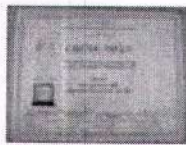
Chứng nhận thương hiệu vàng



Chứng nhận Huy Chương vàng



Chứng nhận logo ấn tượng



Chứng nhận Bánh Típô đạt giải 1000 năm Thăng Long



Chứng nhận Bánh kem xếp sản phẩm tiêu biểu 1000 năm Thăng Long



Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ trao tặng



Chứng nhận Bánh Staff đạt sản phẩm 1000 năm Thăng Long

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai
Chỉ tiêu kế hoạch năm 2020:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2019	KH 2020	% so sánh KH 2020 với TH 2019
A	B	C	1	2	$3=2/1$
A	Tổng Doanh thu	Tỷ. đồng	1.852,37	1.620	87,5%
B	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ. Đồng	52	40	76,9%

5. **Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần):** Không có nội dung cần giải trình
6. **Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty** (Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...); Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động; Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương):

Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật.

a. Chiến lược sản phẩm và thương hiệu:

- Theo đuổi chiến lược phát triển thương hiệu nhãn; Tập chung vào một số nhãn có chất lượng sau: Bánh mì tươi, Tipo, Salsa, Staff, Goldream...
- Sử dụng nhãn Hữu Nghị cho sản phẩm Trung thu và mít tết;
- Tập trung phân khúc trung và cao cấp cho thị trường trong nước và xuất khẩu, đầu tư dây chuyền máy móc thiết bị và công nghệ mới;
- Định hướng sản phẩm mang tính “cổ truyền”, tự nhiên, thực phẩm “sạch”.

b. Kế hoạch thị trường:

- Tăng cường dịch vụ bán hàng, đầu tư hình ảnh xây dựng thương hiệu.
- Lựa chọn nhà phân phối có quy mô và mạnh về tài chính, xây dựng kênh phân phối truyền thống phù hợp với nguồn lực .
- Tập trung mạnh vào thị trường phía Nam, củng cố bổ sung nhân sự xây dựng thị trường chuyên sâu cho các kênh GT, MT, HORECA.

- Xuất khẩu:

- + Tiếp tục đầu tư chiều sâu vào thị trường xuất khẩu , đối với thị trường Trung Quốc, Thái lan, Phillipine, Lào, Indonexia...;
- + Xúc tiến mở rộng thị trường xuất khẩu sang thị trường Châu Âu và Châu Mỹ.

c. Sản xuất và công tác khác:

- Đánh giá tổng thể tình hình dịch bệnh hiện nay để có phương án tổ chức sản xuất phù hợp. Hạn chế mức thấp nhất ảnh hưởng của dịch bệnh đến tình hình sản xuất kinh doanh. Ngoài ra, Công ty cũng triển khai các biện pháp lhai báo y tế, thực hiện nghiêm việc đo nhiệt độ, phân chia nhân sự làm việc 50:50 và đảo ca hàng tuần cũng như triển khai các biện pháp vệ sinh, xịt cồn khi vào làm việc tại Công ty.

- Tiếp tục rà soát định mức lại; Sắp xếp bố trí lại sản xuất, giảm bớt lao động gián tiếp tại các nhà máy sản xuất.

- Phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật tăng năng suất lao động. Tiến hành nghiên cứu đầu tư thiết bị tự động hóa trong sản xuất.

- Triển khai xây dựng quy chế trả lương nhằm tạo động lực cho CBCNV, trả lương đúng người, đúng việc; Tăng thu nhập cho người lao động.

- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống quản trị công ty;

- Đầu tư và cải tiến dây chuyền sản xuất; tiếp tục chuẩn bị các điều kiện để triển khai các dự án di dời Nhà máy Định Công.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. **Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội:** Công ty tuân thủ và thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết của HĐQT và các quy định của pháp luật có liên quan. Các trách nhiệm về môi trường xã hội được tuân thủ nghiêm túc và không bị xử phạt.

2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:* Ban giám đốc Công ty đã thực hiện và chỉ đạo kịp thời hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo đúng Quyết nghị của Đại hội đồng cổ đông; Nghị quyết của HĐQT và các quy định của pháp luật có liên quan.

3. *Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:*

- Định kỳ hàng tháng HĐQT họp với Ban điều hành thông qua báo cáo và kế hoạch tháng/quý/năm, qua đó điều chỉnh và chỉ đạo kịp thời.

- Đôn đốc và yêu cầu BKS tổ chức các hoạt động kiểm tra, rà soát việc tuân thủ nội quy, quy chế, chính sách của Công ty.

- HĐQT thực hiện việc giám sát thông qua việc phê duyệt các quy định về phân quyền, ban hành quy chế quy định về vận hành trong Công ty.

8. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

8.1 Hội đồng quản trị:

- Chủ tịch : Ông Trịnh Trung Hiếu

- Phó Chủ tịch: Bà Lê Thị Lan Anh

- Thành viên: Ông Nguyễn Thái Dương

- Thành viên: Ông Lê Việt Anh

- Thành viên: Ông Bùi Tuấn Anh

a. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Công tác điều hành:

+ Trong năm Hội đồng quản trị đã tổ chức chức 34 phiên họp và ban hành 34 nghị quyết và nhiều quyết định quan trọng khác trong công tác điều hành Công ty.

+ Chuẩn bị tài liệu và tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019. Tổ chức thành công việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản vào ngày 10/04/2019; Thông qua việc từ nhiệm đối với ông Trịnh Xuân Tiến- Thành viên HĐQT. Bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị mới đối với ông Nguyễn Thái Dương.

- Về ban điều hành:

+ Thông qua việc bổ nhiệm Ông Vũ Đức Lợi- Chức vụ Phó Tổng giám đốc kinh doanh làm Tổng giám đốc từ ngày 01/03/2019

+ Thông qua việc miễn nhiệm Ông Trịnh Xuân Tiến- Kế toán trưởng kể từ ngày 31/3/2019

+ Thông qua việc bổ nhiệm bà Bùi Thị Minh Hằng làm Kế toán trưởng kể từ ngày 11/4/2019

+ Thông qua việc bổ nhiệm Ông Tạ Nguyên Hải làm Phó tổng giám đốc Công ty kể từ 01/01/2020

+ Thông qua việc bổ nhiệm Ông Vũ Ba Lê làm Phó tổng giám đốc Công ty kể từ 11/02/2020

+ Chỉ đạo xây dựng lại các quy chế của công ty nhằm hoàn thiện trong điều kiện thực tế.

b. Kế hoạch sản xuất kinh doanh:

- Chỉ đạo thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019

- Đề xuất Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 trình Đại hội đồng cổ đông

c. Kết quả giám sát ban điều hành Công ty:

+ Ban Tổng giám đốc Công ty đã tổ chức triển khai thực hiện tốt những nội dung của

ng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị Công ty;

+ Tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật, tuân thủ các quy chế nội bộ mà Hội đồng quản trị đã ban hành trong việc điều hành sản xuất kinh doanh;

+ Chủ động thực hiện việc đẩy mạnh công tác thị trường một cách tích cực, tìm hiểu thị trường, chăm sóc khách hàng, xây dựng hình ảnh Công ty đối với khách hàng;

+ Thực hiện tốt công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của Công ty;

+ Thực hiện tốt công tác phân phối tiền lương, tiền thưởng đảm bảo thu nhập cho người lao động, chế độ chính sách của người lao động ngày được nâng lên.

d. Công tác đánh giá, kiểm điểm của hội đồng quản trị:

+ Công tác tổ chức họp và ban hành nghị quyết: Hội đồng quản trị đã nghiêm túc tổ chức các phiên họp thường kỳ nhằm đề ra các chủ trương đúng đắn cho công ty hoạt động đúng hướng và có hiệu quả. Phối hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát Công ty trong việc giám sát, theo dõi tình hình triển khai nghị quyết đã ban hành nhằm phát hiện và phòng ngừa những rủi ro, sai sót nếu có để thực hiện tốt nhất kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được đại hội đồng cổ đông đề ra.

+ Công tác chỉ đạo, giám sát: Thực hiện tốt việc chỉ đạo và giám sát Ban điều hành Công ty đối với việc triển khai thực hiện những nội dung của nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị công ty đến từng cán bộ quản lý, phòng ban nhằm đem lại hiệu quả cao nhất trong SXKD của Công ty.

V. Quản trị công ty (Tổ chức không phải là tổ chức niêm yết không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này).

1. Hội đồng quản trị (Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác; Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị; Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp; Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp; Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm)

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị:

- Chủ tịch : Ông Trịnh Trung Hiếu
- Phó Chủ tịch: Bà Lê Thị Lan Anh
- Thành viên: Ông Nguyễn Thái Dương
- Thành viên: Ông Lê Việt Anh
- Thành viên: Ông Bùi Tuấn Anh

+ Trong năm Hội đồng quản trị đã tổ chức 34 phiên họp và ban hành 34 nghị quyết và nhiều quyết định quan trọng khác trong công tác điều hành Công ty.

+ Chuẩn bị tài liệu và tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019. Tổ chức thành công việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản vào ngày 10/04/2019; Thông qua việc từ nhiệm đối với ông Trịnh Xuân Tiến- Thành viên HĐQT. Bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị mới đối với ông Nguyễn Thái Dương.

+ Chỉ đạo xây dựng lại các quy chế của công ty nhằm hoàn thiện trong điều kiện thực tế.

2. Ban Kiểm soát (Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành; Hoạt động của Ban kiểm soát (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp):

Danh sách thành viên Ban kiểm soát:

- Trưởng ban: Ông Đỗ Công Quang
- Thành viên: Ông Trịnh Trung Dũng
- Thành viên: Ông Nguyễn Hồ Ngọc

Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Năm 2019, Ban kiểm soát đã tiến hành hoạt động kiểm tra, giám sát việc tuân thủ quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, cụ thể:

+ Xem xét tính phù hợp của các Quyết định của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc trong công tác quản lý; kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các văn bản của Công ty, phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty;

+ Tham gia các buổi họp của Hội đồng quản trị theo thư mời, kiểm tra giám sát việc triển khai Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đối với Hội đồng quản trị Ban Tổng giám đốc Công ty.

+ Kiểm tra, giám sát các báo cáo tài chính hàng quý, năm 2019 nhằm đánh giá tính hợp lý của các số liệu tài chính. Đồng thời phối hợp với kiểm toán độc lập xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán và kiểm toán trọng yếu đến Báo cáo tài chính; giám sát Ban lãnh đạo trong việc thực thi những kiến nghị do kiểm toán đưa ra;

+ Xem xét việc chấp hành luật, chính sách và chế độ kế toán của Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

(Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hóa bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ); Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên; Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên; Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty);

Ban quản trị Công ty đã nghiêm chỉnh thực hiện các quy định về quản trị Công ty theo thông tư số 121/2012/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 26/07/2012 và Nghị định 71/2017/ NĐ-CP ngày 06/6/2017 hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với các Công ty đại chúng .

- Kết quả giám sát tình hình hoạt động kinh doanh và tài chính năm 2019 của Công ty:

+ Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2019: Căn cứ vào Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán năm 2019, Ban kiểm soát đánh giá báo cáo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính và kết quả hoạt động SXKD năm 2019; phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy chế quy định khác về quản lý tài chính của Công ty và Nhà nước.

- Kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý Công ty:

+ Đã tuân thủ quy định hiện hành và thực hiện các quy định của Đại hội đồng cổ đông, của Hội đồng quản trị;

+ Công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc: Ban Tổng giám đốc về cơ bản đã tổ chức triển khai thực hiện đúng các nội dung Nghị quyết, quyết định của HĐQT. Năm 2019,

Ban Tổng giám đốc đã điều hành chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh sát sao, đảm bảo đúng định hướng của HĐQT đã đề ra.

VI. Báo cáo tài chính:

1. *Ý kiến kiểm toán:* “Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần thực phẩm Hữu Nghị tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.”

2. *Báo cáo tài chính được kiểm toán* (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp hoặc Báo cáo tài chính của đơn vị kế toán cấp trên);

Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm Toán An Việt cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 và được công bố thông tin công khai theo đúng quy định áp dụng đối với Công ty đại chúng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- VP HĐQT;
- Lưu: VT

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Trịnh Trung Hiếu